

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số: _____ /QĐ-UBND ngày ____ / ____ /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (Theo Quyết định số 1545/QĐ-BTNMT ngày 10/6/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (06 TT)					
01	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1012500)	23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
02	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1012501)	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
03	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (1012502)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
04	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1012503)	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
05	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1012504)	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
06	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp nước sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền (1012505)	26 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (Đã được Công bố tại Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH (11 TT)					
1	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày (1.004232) (STT 3 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ: + Thiết kế thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm: 400.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.600.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.000.000 đồng. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm (1.004228) <i>(Số thứ tự 4 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>	38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thăm định hồ sơ: Trường hợp thăm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;
3	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm (1.004223) <i>(Số thứ tự 5 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Phí thăm định: + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 400.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000m³/ngày đêm: 2.600.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 5.000.000 đồng. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
4	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm (1.004211) (Số thứ tự 6 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)	38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.
5	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004122) (Số thứ tự 9 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)	24 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ: 1.400.000 đồng/hồ sơ. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	
6	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (2.001738) (Số thứ tự 10 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)	17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến. 	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	<p>Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004253)</p> <p>(Số thứ tự 13 Mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p>	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
08	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành (1.009669)</p> <p>(Số thứ tự 14 Mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p>	26 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ - Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
09	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770)</p> <p>(Số thứ tự 15 Mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p>	<p>- 45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp Bảng kê khai cùng hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước;</p> <p>- 38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp nộp Bảng kê khai cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ</p> <p>- Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	<p>Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283)</p> <p>(Số thứ tự 16 Mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021)</p>	<p>21 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>			<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ</p> <p>- Quyết định số 31/2020/QĐ-UBND ngày 20/10/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau áp dụng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.</p>
11	<p>Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển (1.011516)</p> <p>(Số thứ tự 01 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</p>	<p>- Đối với trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng: 28 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Các trường hợp còn lại: 14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>

III. DANH MỤC TTHC THAY THẾ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC: 08 TT (Đã được Công bố tại Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1. DANH MỤC TTHC CẤP TỈNH (06 TT)						
1	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác nước dưới 2m ³ /giờ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giờ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giờ; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước	Thủ tục Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính Phủ) (1.004179)	45 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Phí thẩm định hồ sơ: + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m ³ /ngày đêm: 600.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1m ³ /giờ đến dưới 0,5m ³ /giờ hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm: 1.800.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m ³ đến dưới 1m ³ /giờ hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m ³ đến dưới 20.000m ³ /ngày đêm: 4.400.000 đồng;	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	biên cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm (1.004179) <i>(Số thứ tự 7 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>				+ Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1m ³ /giây đến dưới 2m ³ /giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m ³ đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm: 8.400.000 đồng.	

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	<p>Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác nước dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai</p>	<p>Thủ tục Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (1.004167)</p>	<p>38 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới.</p> <p>- Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 và Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh.</p>

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm (1.004167) <i>(Số thứ tự 8 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>					

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước (1.011518) <i>(Số thứ tự 03 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.011518)	23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
4	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (1.000824) <i>(Số thứ tự 2 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>	Thủ tục Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824)	17 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi (2.001850) <i>(Số thứ tự 04 Phần I Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i>	Thủ tục Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (2.001850)	49 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
6	Lấy ý kiến UBND tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ	Thủ tục Lấy ý kiến đại diện cộng đồng dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan tổ chức lấy ý kiến là UBND tỉnh) (1.001740)	56 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên (1.001740) (Số thứ tự 1 Mục 1 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)					
2. DANH MỤC TTHC CẤP HUYỆN (02 TT)						
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất (1.001662) (Số thứ tự 1 Mục 2, phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023)	Thủ tục Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (1.001662)	14 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2	Lấy ý kiến UBND cấp huyện đối với các dự án đầu tư có	Lấy ý kiến đại diện cộng đồng	42 ngày, kể từ ngày nhận đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp	Tổ chức, cá nhân đầu tư dự án chi trả	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m ³ /giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng	dân cư và tổ chức, cá nhân (đối với trường hợp cơ quan, tổ chức lấy ý kiến là UBND cấp huyện) (1.001645)	hồ sơ hợp lệ	huyện		phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

STT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>cách liên kê giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên” (1.001645)</p> <p><i>(Mục 2 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023)</i></p>					

IV. DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC: 04 TT (Đã được công bố tại số thứ tự 2 Mục I Danh mục kèm theo Quyết định số 1591/QĐ-UBND ngày 25/8/2023 và số thứ tự 7, 8, 10 mục I Danh mục kèm theo Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất	Tài nguyên nước	- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.
2	Cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước	Tài nguyên nước	Nội dung cấp phép xả nước thải đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường tích hợp tại thủ tục hành chính Giấy phép môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (Điều 39 và Điều 169) và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
3	Gia hạn/ điều chỉnh giấy phép xả thải vào nguồn nước	Tài nguyên nước	
4	Chuyển nhượng quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước	Thủ tục được quy định tại Điều 39, Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và được điều chỉnh tại Điều 42, Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ. Đến nay Nghị định 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 và Nghị định 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ hết hiệu lực thi hành bởi Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ. Trong Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ không có quy định đối với TTHC này.